TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯ M'GAR** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2023/HNGĐ-ST
Ngày 30/6/2023
"V/v: Ly hôn"

.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ M'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Thịnh.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Y Tha Mlô

2. Bà Lê Thị Thu Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư M'Gar.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đình Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 402/2022/TLST – HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2022, về việc "Kiện ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2023/QĐXXST- HNGĐ, ngày 25 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12/6/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1980. *Có đơn xin xét xử vắng mặt*

Địa chỉ: 208 đường X, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1984. *Vắng mặt*

Địa chỉ: 208 đường X, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn A trình bày:

Tôi và cô Nguyễn Thị P chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2008 tại UBND thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đăk Lăk. Vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình, thường xuyên cãi vã xích mích. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vợ chồng mặc dù sống chung nhà nhưng không còn tình cảm từ cuối năm 2020 cho đến nay. Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàng gắn được nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với cô P.

Về con chung, tôi và cô P có 02 con chung là:

+ Nguyễn Thị B, sinh ngày 20/9/2002

+ Nguyễn Văn D, sinh ngày 15/01/2004

Do các con chung đều đã trưởng thành trên 18 tuổi và khỏe mạnh nên tôi không có yêu cầu gì về con chung.

Về tài sản chung tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã niêm yết, tống đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà Nguyễn Thị P đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai và hòa giải được.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Văn A và bà Nguyễn Thị P kết hôn tuân thủ đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Xét thấy, có căn cứ xác định mâu thuẫn tình cảm của vợ chồng ông A, bà P đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông A được ly hôn với bà P là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung, các con của ông A và bà P đều đã trưởng thành trên 18 tuổi và khỏe mạnh nên ông Sơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Văn A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn A khởi kiện yêu cầu giải quyết Ly hôn với bị đơn bà Nguyễn Thị P hiện cư trú tại thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Nguyễn Thị P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn A và bà Nguyễn Thị P kết hôn tuân thủ đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo nguyên đơn ông A trình bày rằng, quá trình chung sống do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, xích mích nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng.

Qua xác minh tại địa phương tổ dân phố 7, thị trấn Q, huyện C là nơi ông A, bà P cư trú thì thể hiện, quá trình chung sống giữa ông A và bà P thường hay cãi vã, xích mích nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bà P đến Tòa án để giải quyết vụ án, tạo điều kiện cho ông A và bà P gặp gỡ giải quyết những mâu thuẫn tình cảm để đoàn tụ nhưng bà P đều vắng mặt. Điều đó chứng tỏ bà P không quan tâm đến quan hệ hôn nhân, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, có căn cứ để xác định mâu thuẫn tình cảm của vợ chồng ông A, bà P đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn A, cho ông A được ly hôn với bà P là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ pháp luật nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Xét thấy các con chung của ông A và bà P đều đã trưởng thành trên 18 tuổi, phát triển khỏe mạnh, bình thường nên ông A không yêu cầu Tòa án giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Ông Nguyễn Văn A phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn A

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Nguyễn Văn A được ly hôn với bà Nguyễn Thị P.

- *Về án phí*: Ông Nguyễn Văn A phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà ông A đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2021/0013710 ngày 10/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

- *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư M'gar;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND TT Q, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đỗ Văn Thịnh